

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2023/DS-ST

Ngày 03/7/2023.

V/v: “*Tranh chấp quyền
sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Tuyền.

2. Ông Nguyễn Văn Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hòa Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 03/7/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 206/2021/TLST-DS, ngày 22 tháng 11 năm 2021 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2023/QĐXXST-DS, ngày 18 tháng 5 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 32/2023/QĐST- DS ngày 16/6/2023, giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Nguyên đơn: Ông Đỗ Văn T, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Buôn H, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)

+ Bị đơn: Ông Phan Đức L, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Thôn xx, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Lê Thị Việt Tr, sinh năm 1992.

2/ Ông Phan Đức D

3/ Ông Phan Đức Đ.

Địa chỉ: Thôn xx, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)

4/ Bà Nguyễn Thị Hạnh Ng.

Địa chỉ: Buôn H, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)

Đại diện theo ủy quyền của ông T, bà Nguyễn: Ông Võ Ngọc C, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Số xx Lê D, thị trấn Ph, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Theo hợp đồng

ủy quyền số 000709, quyền số 01/2021/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 02/02/2021 - Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/10/2021 của nguyên đơn ông Đỗ Văn T, và quá trình tham gia tố tụng đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Võ Ngọc C trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Hạnh Ng và ông Đỗ Văn T là chủ sử dụng thửa đất số 231; tờ bản đồ số 20, có diện tích 1310m². Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 211635 do UBND huyện Krông Pắc cấp ngày 10/11/1996. Địa chỉ thửa đất: Thôn 4, xã Hòa An, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk. Thửa đất ông T bà Nguyễn có vị trí tứ cận như sau:

Đông giáp đất ông Vi; Tây giáp đất ông L;

Nam giáp đường đi; Bắc giáp đường đi.

Năm 2004 ông T, bà Ng chuyển đến Buôn H, xã E, huyện K sinh sống. Khoảng năm 2007 ông T, bà Nguyễn phát hiện hộ kế bên là bà Phan Thị N (bà N đã chết) và các con là ông Phan Đức L, ông Phan Đức D (Hiện tại ông D đã chuyển đi nơi khác sống) lấn chiếm một phần trong thửa đất của ông T có diện tích khoảng 51,15m² có vị trí:

- Đông giáp đất ông T, cạnh dài 33m;
- Tây giáp đất ông L; cạnh dài 33m;
- Nam giáp thửa đất 230; cạnh dài 1,3m;
- Bắc giáp đường đi; cạnh dài 1,8m.

Sau khi lấn chiếm ông L đã xây dựng lên phần đất lấn chiếm hàng rào lưới B40 có chiều dài 33m. Mặc dù gia đình ông T đã nhiều lần yêu cầu ông L trả lại phần đất nói trên nhưng gia đình ông L không chịu. Do vậy, ông T nộp đơn khởi kiện đến Tòa án để yêu cầu Tòa án buộc ông Phan Đức L tháo dỡ hàng rào lưới B40 trả lại diện tích đất đã lấn chiếm cho ông T, bà Nguyễn có diện tích 51,15m².

Tuy nhiên, căn cứ vào kết quả đo đạc của Công ty TNHH dịch vụ trắc địa Sài Gòn xác định diện tích đất ông T chỉ bị lấn chiếm 11.4m² có chiều dài các cạnh là:

- Đông giáp đất ông T, cạnh dài 30,21m;
- Tây giáp đất ông L; cạnh dài 30,3m
- Nam giáp thửa đất 230; cạnh dài 0,62 m
- Bắc giáp đường đi; cạnh dài 0,14m.

Do vậy, tại phiên hòa giải ngày 09 tháng 5 năm 2023 và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn yêu cầu bị đơn tháo dỡ hàng rào lưới B40, chân xây gạch, trụ bê tông bao lưới B40 mà ông L đã xây trên phần đất lấn chiếm trả lại cho ông T bà Nguyễn phần đất có diện tích đất là 11.4m², có chiều dài các cạnh là:

- Đông giáp đất ông T, cạnh dài 30,21m;
- Tây giáp đất ông L; cạnh dài 30.3m
- Nam giáp thửa đất 311 (231 củ); cạnh dài 0,62 m
- Bắc giáp đường đi; cạnh dài 0,14m.

+ *Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Phan Đức L trình bày:*

Thửa đất gia đình tôi đang sử dụng là do bố mẹ khai hoang từ năm 1963. Đến năm 2019 bố mẹ để lại cho gia đình tôi sử dụng. Quá trình sử dụng gia đình tôi không hề lấn chiếm đất của ông T và hiện tại đất của chúng tôi, không dư so với thửa đất mà gia đình tôi đã khai hoang. Do đó quá trình giải quyết vụ án ông T, bà Ng yêu cầu tôi trả lại diện tích 51,15m² có vị trí:

Đông giáp đất ông T, cạnh dài 33m; Tây giáp đất ông L; cạnh dài 33m; Nam giáp thửa đất 230; cạnh dài 1,8m; Bắc giáp đường đi; cạnh dài 1,3m thì tôi không đồng ý.

Tuy nhiên căn cứ vào kết quả đo đạc của Công ty TNHH dịch vụ trắc địa Sài Gòn xác định diện tích đất ông T thiếu 11.4m² có chiều dài các cạnh là:

- Đông giáp đất ông T, cạnh dài 30,21m;
- Tây giáp đất ông L; cạnh dài 30,00m
- Nam giáp thửa đất 309 (230 củ); cạnh dài 0,62 m
- Bắc giáp đường đi cạnh dài, 0,14m

Tôi xác định sự việc tranh chấp đã kéo dài, gây ra khó khăn không đáng có cho gia đình tôi. Nay tôi không muốn việc tranh chấp kéo dài thêm nữa nên tôi chấp nhận tháo dỡ đoạn hàng rào có kết cấu chân xây gạch, trụ bê tông phía trên bao lưới B40 mà tôi đã xây dựng có chiều dài 30,62m trả lại phần đất đất có diện tích 11.4m² cho ông T.

+ *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Việt Tr trình bày:* Tôi thống nhất với lời trình bày của chồng tôi anh Phan Đức L và không bổ sung gì thêm. Đề nghị Tòa án giải quyết như nguyện vọng của chồng tôi.

* Kết quả đo đạc của Công ty TNHH Dịch vụ kỹ thuật Trắc địa Sài Gòn - Chi nhánh Đắk Lắk và kết quả thẩm định của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc ngày 24/8/2022 thể hiện:

+ Thửa đất số 229, tờ bản đồ số 20 (nay là thửa 285, tờ bản đồ số 29), đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hiện nay ông Phan Đức L đang sử dụng), theo Bản đồ giải thửa do Sở tài nguyên môi trường tỉnh Đắk Lắk đo đạc năm 1998 có diện tích 605.7m² có chiều dài các cạnh như sau:

- Đông giáp đất ông T, cạnh dài 30,5m;
- Tây giáp đất ông Trung; cạnh dài 30.5m
- Nam giáp đất ông Bỏ; cạnh dài 19.67 m
- Bắc giáp đường đi; cạnh dài 19,72m.

+ Thửa đất số 231, tờ bản đồ số 20 (nay là thửa 311, tờ bản đồ số 29) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 211635, do UBND huyện Kroong Pắc cấp cho ông T và theo bản đồ giải thửa do Sở tài nguyên môi trường tỉnh Đắk Lắk đo đạc năm 1998, có diện tích 1310m² có vị trí các cạnh như sau:

- Đông giáp đất ông Vi, cạnh dài 56,96m;
- Tây phần giáp đất ông L, cạnh dài 30,5; phần giáp thửa 309, cạnh dài 26,5m;
- Nam giáp đường đi, cạnh dài 20,5m;
- Bắc giáp đường đi, cạnh dài 19,87m.

* Kết quả đo đạc, trên cơ sở ranh giới do đương sự chỉ thể hiện:

+ Theo đại diện nguyên đơn thì thửa đất số 231, tờ bản đồ số 20 (nay là thửa 311, tờ bản đồ số 29) có chiều dài các cạnh như sau:

- Đông giáp đất ông Vi, cạnh dài 57,15m;
- Tây giáp đất ông L cạnh dài 30,21; phần giáp thửa 309, cạnh dài 26,36m;
- Nam giáp đường đi, cạnh dài 20,48m;
- Bắc giáp đường đi, cạnh dài 21,50.

+ Thửa đất số 229, tờ bản đồ số 20 (nay là thửa 285, tờ bản đồ số 29 do ông L đang sử dụng. Theo ranh giới hiện trạng đất ông L đang sử dụng có diện tích 615,4m²:

- Đông giáp đất ông T, cạnh dài 30,21m;
- Tây giáp đất ông Trung; cạnh dài 30.53m
- Nam giáp thửa đất 309; cạnh dài 20,18m
- Bắc giáp đường đi; cạnh dài 19,69m.

Diện tích đất tranh chấp theo nguyên đơn yêu cầu có vị trí:

- Đông giáp đất ông T, cạnh dài 30,3m;
- Tây giáp đất ông L, cạnh dài 30,21m;
- Nam giáp thửa 311, cạnh dài 1,92m;
- Bắc giáp đường đi, cạnh dài 1,80m.

Diện tích là 46,5m², tài sản trên đất là hàng rào móng đá hộc, 15 trụ bê tông đúc sẵn, phía trên bao lưới B40, cao 1,2m, dài 30,80m; một phần căn nhà xây cấp 4 móng đá hộc, tường gạch, lợp tôn, nền lát gạch, trần nhựa có diện tích 9,7m²; một phần mái che khung sắt lợp tôn, nền xi măng diện tích 5m², một phần sân lát xi măng có diện tích 25,6m².

* Kết quả định giá tài sản ngày 02/12/2022 của hội đồng định giá tài sản huyện Krông Pắc thể hiện:

+ Giá trị đất đang tranh chấp theo đơn giá nhà nước quy định có giá 150.000đ/m² (đất ở nông thôn) x 46,5m² = 6.975.000đồng;

+ Giá đất theo giá thị trường tại thời điểm định giá 70.000.000/m ngang, đất tranh chấp có giá 1,8m x 70.000.000/m = 119.000.000đồng;

- + Một phần căn nhà xây cấp 4 móng xây đá hộc, tường xây gạch, nền lát gạch men, trần nhựa, mái lợp tôn diện tích $9,7m^2$ có giá: 16.243.850đồng
- + Một phần mái tôn kết cấu mái lợp tôn, nền láng xi măng diện tích $5m^2$ có giá 1.872.150đồng
- + Một phần sân láng xi măng diện tích $31,8m^2$ có giá: 2.723.670đồng;
- + Hàng rào móng đá hộc + trụ bê tông đúc sẵn cao 1.2m bao lưới B40 có giá 7.832.5500 đồng

Tổng trị giá tài sản tranh chấp có giá 147.672.220đ (Một trăm bốn mươi bảy triệu sáu trăm mười bảy nghìn hai trăm hai mươi đồng)

Tại phiên tòa:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Tuy trong đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu ông L tháo dỡ hàng rào đã xây trả lại diện tích đất đã lấn chiếm có diện tích khoảng 51,15m² có vị trí:

- Đông giáp đất ông T, cạnh dài 33m;
- Tây giáp đất ông L; cạnh dài 33m;
- Nam giáp thửa đất 230; cạnh dài 1,3m;
- Bắc giáp đường đi; cạnh dài 1,8m.

Tuy nhiên căn cứ vào kết quả đo đạc của Công ty TNHH dịch vụ trắc địa Sài Gòn xác định diện tích đất ông T chỉ bị lấn chiếm 11.4m²

Do vậy, tại phiên đại diện nguyên đơn xin rút yêu cầu đối với diện tích đất 39,75m² và chỉ yêu cầu yêu cầu bị đơn tháo dỡ hàng rào móng đá hộc, trụ bê tông đúc sẵn (15 trụ) phía trên bao lưới B40, chiều dài 32,82m trả lại cho ông T phần đất có diện tích 11,4m² có chiều dài các cạnh là:

- Đông giáp đất ông T, cạnh dài 30,21m;
- Tây giáp đất ông L; cạnh dài 30,3m
- Nam giáp thửa đất ông T; cạnh dài 0,62 m
- Bắc giáp đường đi; cạnh dài 0,14m.

Bị đơn ông Phan Đức L, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Việt Tr, ông Phan Đức D và ông Phan Đức Đ vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham dự phiên tòa phát biểu:

+ Việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký, đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Thành phần Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Việt Tr đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phan Đức D và ông Phan Đức Đ, vắng mặt tại phiên họp phiên hòa giải và vắng

mặt tại phiên tòa là từ bỏ quyền và không thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 73 BLTTDS. Tại phiên tòa bị đơn ông Phan Đức L, bà Lê Thị Việt Tr vắng mặt không có lý do. Áp dụng Điều 227 và Điều 228 xét xử vắng mặt ông D, ông L, ông Đ, bà Tr.

+ Về nội dung: Căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 244 BLTTDS; Căn cứ Điều 166, Điều 175 của Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 1, khoản 10, Điều 12, Điều 170, Điều 202, khoản 1 Điều 203 của Luật đất đai năm 2013;

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn T.

Ghi nhận việc bị đơn ông Phan Đức L và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Việt Tr tự nguyện tháo dỡ hàng rào tháo dỡ hàng móng đá học, trụ bê tông đúc sẵn (15 trụ) phía trên bao lưới B40, chiều dài 32,82m trả lại cho ông T phần đất có diện tích 11,4m² có chiều dài các cạnh là:

- Đông giáp đất ông T, cạnh dài 30,21m;
- Tây giáp đất ông L; cạnh dài 30,3m
- Nam giáp thửa đất đất ông Trương; cạnh dài 0,62 m
- Bắc giáp đường đi; cạnh dài 0,14m.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn T đối với diện tích đất 39,75m².

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1]. Xét về hình thức và thẩm quyền: Căn cứ đơn khởi kiện của ông Đỗ Văn T lập ngày 24/7/2022, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” được quy định tại khoản 9 Điều 26 của BLTTDS.

Thửa đất tranh chấp quyền sử dụng đất tọa lạc tại xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk bị đơn ông Phan Đức L cư trú tại xã Hòa An, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk nên Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Đức D, ông Phan Đức Đ không đến Tòa án để lập bản tự khai, không tham gia phiên họp, phiên hòa giải là từ bỏ quyền và không thực hiện nghĩa vụ theo Điều 70, 73 BLTTDS. Tại phiên tòa lần thứ nhất ông D, ông Đ vắng mặt không có lý do, Tòa án đã hoãn phiên tòa và tiếp tục tổng đạt giấy báo tham gia phiên tòa cho các đương sự. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Phan Đức L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Đức D, ông Phan Đức Đ, bà Lê Thị Việt Tr vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 BLTTDS Tòa án xét xử vắng mặt ông L, ông D, ông Đ, bà Tr.

[3]. Xét lời trình bày của các đương sự:

Tại phiên đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Võ Ngọc C yêu cầu HĐXX buộc ông Phan Đức L tháo dỡ hàng rào móng đá học, trụ bê tông đúc sẵn (15 trụ) phía trên bao lưới B40, chiều dài 30,83m trả lại cho ông T phần đất có diện tích 11,4m² có chiều dài các cạnh là:

- Đông giáp đất ông T; cạnh dài 30,21m;
- Tây giáp đất ông L; cạnh dài 30,3m
- Nam giáp thửa đất đất ông Trương; cạnh dài 0,62 m
- Bắc giáp đường đi; cạnh dài 0,14m.

Xét yêu cầu của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tại phiên tòa hôm nay phù hợp với quan điểm, nguyện vọng của ông Phan Đức L theo biên bản hòa giải ngày 09 tháng 5 năm 2023. Cụ thể: Ông L chấp nhận tự tháo dỡ hàng rào có kết cấu móng đá học, trụ bê tông phía trên bao lưới B40 mà tôi đã xây dựng có chiều dài 30,83m trả lại phần đất đất có diện tích 11.4m² cho ông T như yêu cầu của đại diện nguyên đơn.

Xét yêu cầu của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn phù hợp với nguyện vọng của ông Phan Đức L và không trái quy định của pháp luật. Do vậy, HĐXX ghi nhận việc ông Phan Đức L tự nguyện tháo dỡ hàng rào có trả lại phần đất có diện tích 11,4m² cho ông Đỗ Văn T là phù hợp.

[4] Đối với việc trong đơn khởi kiện ông T cho rằng ông L còn lấn chiếm của ông T diện tích đất 39,75m². Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút yêu cầu này. Việc rút một phần yêu cầu trên của nguyên đơn là tự nguyện nên HĐXX cần áp dụng khoản 2 Điều 244 đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với diện tích đất nói trên là phù hợp.

[5] Về chi phí tố tụng: Để có căn cứ giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và chi phí cụ thể như sau: Tiền chi phí trích đo địa chính thửa đất là 4.250.000 đồng; Tiền chi phí thẩm định ngày 24/8/2022 là 1.700.000 đồng; Tiền chi phí định giá tài sản ngày 08/12/2022 là 2.500.000 đồng. Tổng cộng là 8.250.000 đồng.

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận một phần cụ thể là bị đơn phải tháo dỡ hàng rào và trả lại 11.4m² đất với tổng số tiền là 14.860.550đ nên ông L phải là 830.210đ theo mức: $(8.250.000đ : 147.672.220) \times 14.860.550đ = 830.210đ$. Số tiền này ông T đã nộp và Tòa án đã chỉ nên ông L phải trả cho ông T là phù hợp.

- Do nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với diện tích 39,75m² và trị giá tài sản trên đất (Nhà, sân, mái che) tổng số tiền là 132.811.670đ nên nguyên đơn phải chịu tiền chi phí tố tụng tương ứng là 7.419.786đ. Cụ thể: $(8.250.000đ : 147.672.220) \times 132.811.670đ = 7.419.786đ$. Số tiền này nguyên đơn đã nộp và chi phí xong nên không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận một phần, tương đương số tiền là 14.860.550đ nên bị đơn phải chịu án

phí dân sự sơ thẩm đối với phần nguyên đơn được chấp nhận. Cụ thể $14.860.550đ \times 5\% = 743.027$ đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn ông Đỗ Văn T được miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên không đề cập giải quyết.

[7]. Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Không Pắc, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158; khoản 1 Điều 165; khoản 1 Điều 166; Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 266; Điều 271; Điều 273 BLTTDS

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn T.

Ghi nhận việc ông Phan Đức L chấp nhận tháo dỡ hàng rào móng đá học, trụ bê tông đúc sẵn (15 trụ) phía trên bao lưới B40, chiều dài 30,83m trả lại cho ông T phần đất có diện tích $11,4m^2$ có chiều dài các cạnh như sau:

- Đông giáp đất ông T; cạnh dài 30,21m;
- Tây giáp đất ông L; cạnh dài 30,3m;
- Nam giáp thửa đất ông T; cạnh dài 0,62 m;
- Bắc giáp đường đi; cạnh dài 0,14m.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn T đối với diện tích đất $39,75m^2$.

3. Về chi phí trích đo địa chính thửa đất, thẩm định, định giá tài sản.

- Buộc ông Phan Đức L phải 830.210đ (Tám trăm ba mươi nghìn, hai trăm mười đồng) tiền chi phí trích đo thửa đất, xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

- Ông Đỗ Văn T được nhận lại số tiền 830.210đ (Tám trăm ba mươi nghìn, hai trăm mười đồng) khi thu được từ ông Phan Đức L, đồng thời ông T phải chịu số tiền chi phí trích đo thửa đất, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 7.419.786đ (Bảy triệu bốn trăm mười chín nghìn, bảy trăm tám mươi sáu đồng). Số tiền này ông T đã nộp và đã chi xong.

“Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả khoản

tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015”.

4. Về án phí: Ông Đỗ Văn T được miễn nộp tạm ứng án phí nên không đề cập giải quyết.

Ông Phan Đức L phải chịu 743.027đ (Bảy trăm bốn mươi ba nghìn, không trăm hai bảy đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

“Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

T.M - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền